

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TỄH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hồng Loan

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Đạ Tẻh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 26/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐST-DS ngày 28/8/2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024, giữa”:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T), sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Bạch T1, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) trình bày:

Vào ngày 21/7/2023 bà T có cho bà T1 vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tuy nhiên do quen biết nhau nên giữa hai bên không làm giấy tờ gì mà chỉ hẹn khi nào bà T cần thì bà T1 phải thu xếp tiền để trả tiền cho bà T. Sau đó đến tháng 12 năm 2023 bà T được biết bà T1 cũng đã vay tiền của rất nhiều người mà không lập giấy tờ gì và cũng không trả tiền cho ai nên đến ngày

02/01/2024 bà T đã cùng những người cho vay khác đến nhà bà T1 để yêu cầu bà T1 trả tiền. Tuy nhiên bà T1 không có tiền trả nên bà T1 đã tự tay viết một tờ giấy ghi là “đơn xin nhận nợ” có nội dung thừa nhận mượn tiền và liệt kê họ và tên cũng như số tiền cụ thể và chữ ký xác nhận bên cạnh của của từng người, trong đó có nội dung như sau: “... Hiện tại tôi có mượn của những người sau: ... Nguyễn Thị T 20 triệu”. Bà T1 cũng viết nội dung hứa sau khi bán đất xong và làm trả từ từ cho mọi người. Bà T1 xin mọi người tiền lãi còn số tiền gốc hứa sẽ trả cho mọi người trong vòng 6 tháng kể từ ngày 02/01/2024 đến ngày 02/6/2024. Tuy nhiên đến hết đến 02/6/2024 bà T1 vẫn không trả cho bà T bất kì một khoản tiền nào. Sau đó bà T có nhiều lần đến nhà bà T1 để đòi tiền nhưng không gặp được bà T1.

Nay bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Bạch T1 phải trả số tiền gốc là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà T1 nhưng bà T1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt kết quả của phiên họp cho bà T1 theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tềh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) về việc buộc bà Đoàn Thị Bạch T1 phải trả số tiền gốc là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) khởi kiện bà Đoàn Thị Bạch T1 về việc bà T1 có vay tiền của bà T nhưng đến hạn không trả nên phát sinh tranh chấp. Tại “đơn xin nhận nợ” bà T1 đã cung cấp và xác nhận chỗ ở của bà T1 là tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2024, công an xã T cung cấp kết quả xác minh như sau: “Bà Đoàn Thị Bạch T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết tranh chấp về việc vay tài sản của bà T1 thì bà T1 đã bỏ khỏi địa phương nhưng mẹ ruột của bà T1 là bà Lê Thị S vẫn còn sinh sống tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Công an xã T kiểm tra trên hệ thống dân cư thì thấy bà T1 chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại bất cứ địa điểm nào.” Đối chiếu theo quy định tại Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc bà T1 thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư mới được xem là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “đơn xin nhận nợ” do chính tay bà T1 tự viết và ký tên trong đó thể hiện nội dung nhận nợ bà T số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và hạn đến ngày 02/6/2024 sẽ trả. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T1 nhưng bà T1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đề trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc mình không vay hoặc đã trả xong cho bà T. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh do một bên đương sự không có yêu cầu phản đối. Vì vậy việc bà T căn cứ vào “đơn xin nhận nợ” để khởi kiện bà T1 là hoàn toàn có cơ sở.

Xét thấy tại “đơn xin nhận nợ” thể hiện số tiền cụ thể mà bà T1 đã mượn của bà T và có thể hiện thời hạn trả tiền và xin không trả lãi. Quá thời hạn mà bà T1 đã cam kết và bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi nên việc bà T khởi kiện bà T1 yêu cầu phải trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) buộc bà Đoàn Thị Bạch T1 phải trả cho bà T số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là: $20.000.000đ \times 5\% = 1.000.000$ đồng (*Một triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T).

Buộc bà Đoàn Thị Bạch T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương T (Nguyễn Thị T) số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

“ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Bạch T1 phải chịu số tiền án phí có ngạch của vụ án là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Hoàn trả lại số cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008030 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đa Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đa Tẻh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Đạo

